



Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh Số

4103002023

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301464823 ngày 1 tháng 8 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch
Ông Chaowalit Treejak	Phó chủ tịch (từ ngày 28 tháng 4 năm 2023) Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Thành viên (từ ngày 28 tháng 4 năm 2023) Phó chủ tịch (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Thành viên (từ ngày 28 tháng 4 năm 2023)
Ông Phan Khắc Long	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên
Ông Praween Wirotpan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chaowalit Treejak	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Asada Boonsrirat	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2023)
Ông Phùng Hữu Luận	Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Ông Chaowalit Treejak

Trụ sở đăng ký

240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Chauwanit Treejak
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00242-23-2



Chang Hưng Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.803.065.894.322	2.215.147.283.810
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	608.800.625.494	358.572.233.870
Tiền	111		93.300.625.494	46.972.233.870
Các khoản tương đương tiền	112		515.500.000.000	311.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.480.000.000.000	965.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	1.480.000.000.000	965.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257.032.005.317	278.727.408.937
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	211.364.472.208	274.800.487.941
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	29.225.164.168	43.255.736.124
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	40.081.929.777	19.601.182.695
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(23.732.202.357)	(59.022.639.344)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		92.641.521	92.641.521
Hàng tồn kho	140	13	449.233.479.500	576.848.239.590
Hàng tồn kho	141		449.868.868.960	577.483.629.050
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(635.389.460)	(635.389.460)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.999.784.011	35.999.401.413
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	6.883.945.818	722.740.291
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	23(b)	-	35.276.661.122
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.115.838.193	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		723,278,041,166	829,644,709,983
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	14	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản cố định	220		313.043.748.197	367.746.104.997
Tài sản cố định hữu hình	221	15	306.522.428.313	360.548.687.507
Nguyên giá	222		2.063.971.921.459	2.035.656.756.132
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.757.449.493.146)	(1.675.108.068.625)
Tài sản cố định vô hình	227	16	6.521.319.884	7.197.417.490
Nguyên giá	228		38.620.263.278	38.620.263.278
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.098.943.394)	(31.422.845.788)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.404.325.847	25.071.276.356
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	7.404.325.847	25.071.276.356
Đầu tư tài chính dài hạn	250		65.861.496.814	66.415.601.903
Đầu tư vào công ty liên kết	252	8(b)	63.861.496.814	64.415.601.903
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8(c)	4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	8(c)	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		316.968.470.308	350.411.726.727
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	292.882.370.422	306.881.087.414
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	5.674.971.952	5.897.498.732
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	20	18.411.127.934	37.633.140.581
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.526.343.935.488	3.044.791.993.793

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		770.171.520.036	423.473.389.660
Nợ ngắn hạn	310		750.553.816.953	403.473.029.077
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	145.247.133.912	91.380.423.299
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	118.827.182.278	3.396.601.604
Thuế phải nộp Nhà nước	313	23(a)	195.529.204.059	65.241.129.584
Phải trả người lao động	314		95.433.492.958	84.007.032.449
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	138.060.269.600	101.470.596.256
Phải trả ngắn hạn khác	319	25	2.276.534.146	2.817.245.885
Vay ngắn hạn	320	26	55.180.000.000	55.160.000.000
Nợ dài hạn	330		19.617.703.083	20.000.360.583
Dự phòng phải trả	342	27	19.617.703.083	20.000.360.583
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.756.172.415.452	2.621.318.604.133
Vốn chủ sở hữu	410	28	2.756.172.415.452	2.621.318.604.133
Vốn cổ phần	411	29	818.609.380.000	818.609.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		818.609.380.000	818.609.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.157.256.738.050	1.157.256.738.050
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.983.552.000	44.983.552.000
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		733.729.962.702	598.876.151.383
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		158.376.292.867	158.376.292.867
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		575.353.669.835	440.499.858.516
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.526.343.935.488	3.044.791.993.793

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Phạm Mạnh Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phùng Hữu Luận
Kế toán trưởng



Chaowalit Treejak
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	2.797.458.769.618	2.911.237.544.158
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	21.059.707.824	6.580.248.680
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	32	2.776.399.061.794	2.904.657.295.478
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	1.649.118.891.019	2.194.675.749.591
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.127.280.170.775	709.981.545.887
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	57.004.887.754	23.994.488.426
Chi phí tài chính	22	35	77.336.025.576	77.627.979.722
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.140.395	12.434.631
Phần lỗ trong công ty liên kết	24	8(b)	(554.105.089)	(460.808.314)
Chi phí bán hàng	25	36	333.575.580.848	254.557.969.051
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	54.854.321.226	61.901.715.228
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		717.965.025.790	339.427.561.998
Thu nhập khác	31		1.376.816.659	1.613.188.469
Chi phí khác	32		11.228.882	61.849.659
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.365.587.777	1.551.338.810
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)	50		719.330.613.567	340.978.900.808

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

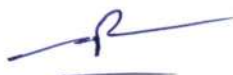
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang từ trang trước sang)	50		719.330.613.567	340.978.900.808
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	143.754.416.952	68.968.205.544
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	39	222.526.780	(680.263.721)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		575.353.669.835	272.690.958.985
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	7.028	3.331

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Phạm Mạnh Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phùng Hữu Luận
Kế toán trưởng



Chaowalit Treejak
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		719.330.613.567	340.978.900.808
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		85.419.915.804	82.950.024.919
Các khoản dự phòng	03		(4.446.308.636)	(551.862.034)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(56.004.841.746)	(22.548.018.062)
Chi phí lãi vay	06		19.140.395	12.434.631
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		744.318.519.384	400.841.480.262
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		73.773.251.342	(55.588.766.386)
Biến động hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10		146.836.772.737	(58.978.855.258)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		269.628.963.052	42.344.212.665
Biến động chi phí trả trước	12		6.398.897.736	(19.537.062.980)
			1.240.956.404.251	309.081.008.303
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(12.434.631)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(66.341.732.523)	(50.519.677.693)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.019.544.616)	(14.085.643.888)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.167.595.127.112	244.463.252.091

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.218.242.729)	(39.447.793.014)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		517.400.793	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.154.000.000.000)	(295.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		639.000.000.000	405.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức	27		35.177.077.848	17.437.794.398
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(483.523.764.088)	87.990.001.384
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		20.000.000	1.300.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(3.434.254.298)
Tiền chi trả cổ tức	36		(433.862.971.400)	(212.838.438.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(433.842.971.400)	(214.972.693.098)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		250.228.391.624	117.480.560.377
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		358.572.233.870	172.938.679.946
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7	608.800.625.494	290.419.240.323

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Phạm Mạnh Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phùng Hữu Luận
Kế toán trưởng



Chaowalit Treejak
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 4 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) từ ngày 11 tháng 7 năm 2006 với mã chứng khoán là BMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước và thiết bị thí nghiệm.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 2 chi nhánh phụ thuộc như sau:

Số thứ tự	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Bình Dương	Số 7 Đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Long An	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 1 công ty con và 2 công ty liên kết như sau:

Số thứ tự	Tên công ty	Các hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
				30/6/2023	1/1/2023
Công ty con					
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ nhựa và cao su.	Đường D1, khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	100%	100%
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.	Lô Q, đường số 4 và đường số 7, Khu Công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hoà Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	29,05%	29,05%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	Kinh doanh bất động sản, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	26%	26%

Tất cả công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có 1.339 nhân viên (1/1/2023: 1.339 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị đó. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá thuê và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 45 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 7 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 41 đến 46 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn phản ánh chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng và máy móc, được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

01
0N
0P
0H
0H
0P

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(n) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, đã trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.

(p) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích bổ sung vốn cổ phần trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ nhựa và cao su, và trong một vùng địa lý chính, đó là Việt Nam.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ hay chu kỳ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ, ngoại trừ các khoản mục sau:

(a) Tiền thưởng cho nhân viên

Tập đoàn ghi nhận khoản tiền thưởng ước tính cho nhân viên dựa trên kế hoạch tài chính năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Mức thưởng của nhân viên sẽ được xác định lại dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm vào cuối kỳ kế toán năm.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 20% đối với lợi nhuận trước thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	464.658.590	419.477.857
Tiền gửi ngân hàng	92.835.966.904	46.552.756.013
Các khoản tương đương tiền	515.500.000.000	311.600.000.000
	<hr/>	<hr/>
	608.800.625.494	358.572.233.870

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 4,0% đến 5,0% tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: từ 3,5% đến 6,0%).

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023		1/1/2023			
	Lãi suất năm	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Lãi suất năm	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng	6,0% - 12,0%	1.480.000.000.000	1.480.000.000.000	5,4% - 11,5%	965.000.000.000	965.000.000.000

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

				30/6/2023						1/1/2023		
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Phần chia lãi lũy kế VND	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Phần chia lãi lũy kế VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết												
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	650.000	29,05%	29,05%	8.125.000.000	1.136.496.814	9.261.496.814	650.000	29,05%	29,05%	8.125.000.000	1.690.601.903	9.815.601.903
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000	5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000
				<u>62.725.000.000</u>	<u>1.136.496.814</u>	<u>63.861.496.814</u>				<u>62.725.000.000</u>	<u>1.690.601.903</u>	<u>64.415.601.903</u>

Biến động giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	64.415.601.903	69.681.452.347
Phần chia lỗ trong công ty liên kết	(554.105.089)	(460.808.314)
Số dư cuối kỳ	<u>63.861.496.814</u>	<u>69.220.644.033</u>

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 30/6/2023 và ngày 1/1/2023				
	Số lượng cổ phần	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (i)	20.000	3,00%	4.000.000.000	(2.000.000.000)	(*)

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302706634 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến là sản xuất kinh doanh các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo, nhựa kỹ thuật, xi mạ trên nhựa, các sản phẩm nhựa chất lượng cao, kích cỡ lớn phục vụ các ngành kinh doanh kỹ thuật và các dự án đầu tư.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	75.664.446.242	81.746.021.123
Công ty TNHH SXTM Phương Hoàng	45.200.692.278	67.048.961.712
Công ty TNHH VN Đại Phong	25.136.202.787	24.017.555.494
Các khách hàng khác	65.363.130.901	101.987.949.612
	211.364.472.208	274.800.487.941

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Eplas	1.107.911.640	11.801.767.896
Công ty TNHH Công Nghệ Hóa Nhựa Bông Sen	17.391.575.157	17.391.575.157
Các nhà cung cấp khác	10.725.677.371	14.062.393.071
	<hr/>	<hr/>
	29.225.164.168	43.255.736.124
	<hr/>	<hr/>

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Dự thu lãi tiền gửi	35.221.264.828	14.346.447.482
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.705.682.200	4.277.337.286
Tạm ứng cho nhân viên	1.019.288.844	467.732.000
Phải thu khác	135.693.905	509.665.927
	<hr/>	<hr/>
	40.081.929.777	19.601.182.695
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2023			Số ngày quá hạn	1/1/2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Tuyết	Trên 7 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)	-	Trên 7 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)	-
Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành		-	-	-	Trên 7 năm	34.844.128.351	(34.844.128.351)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại công nghệ Nam Phong		-	-	-	Từ 6 tháng đến 1 năm	892.617.272	(446.308.636)	446.308.636
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	2.739.243.355	(2.739.243.355)	-	Trên 3 năm	2.739.243.355	(2.739.243.355)	-
		<u>23.732.202.357</u>	<u>(23.732.202.357)</u>	-		<u>59.468.947.980</u>	<u>(59.022.639.344)</u>	<u>446.308.636</u>

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	59.022.639.344	59.352.881.098
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	315.925.582
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.446.308.636)	(33.698.280)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(30.844.128.351)	-
Số dư cuối kỳ	23.732.202.357	59.635.108.400

13. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	11.651.948.240	-	21.632.577.536	-
Nguyên vật liệu	190.411.140.772	-	197.101.021.996	-
Công cụ và dụng cụ	8.589.031.829	-	3.306.825.770	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.445.086.296	-	49.073.132.901	-
Thành phẩm	181.195.149.644	(364.323.658)	265.406.375.735	(364.323.658)
Hàng hóa	29.576.512.179	(271.065.802)	40.963.695.112	(271.065.802)
	449.868.868.960	(635.389.460)	577.483.629.050	(635.389.460)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 5.898 triệu VND thành phẩm và 3.260 triệu VND hàng hóa (1/1/2023: 5.898 triệu VND thành phẩm và 3.260 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	635.389.460	2.645.870.752
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(1.542.359.138)
Số dư cuối kỳ	635.389.460	1.103.511.614

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải thu về cho vay – dài hạn

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Cho vay Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng – công ty liên kết	5,4%	2027	20.000.000.000	20.000.000.000

Khoản vay này bằng VND và không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	511.589.027.311	1.469.970.734.270	41.611.623.753	12.485.370.798	2.035.656.756.132
Tăng trong kỳ	-	7.923.338.463	183.000.000	-	8.106.338.463
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	21.182.955.964	-	-	21.182.955.964
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	1.670.648.200	-	-	-	1.670.648.200
Thanh lý	-	(125.161.500)	(2.519.615.800)	-	(2.644.777.300)
Số dư cuối kỳ	513.259.675.511	1.498.951.867.197	39.275.007.953	12.485.370.798	2.063.971.921.459
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	453.520.005.552	1.176.729.066.541	36.832.518.315	8.026.478.217	1.675.108.068.625
Khấu hao trong kỳ	27.027.722.226	55.679.418.456	1.395.337.736	641.339.780	84.743.818.198
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	232.034.471	-	-	-	232.034.471
Thanh lý	-	(114.812.348)	(2.519.615.800)	-	(2.634.428.148)
Số dư cuối kỳ	480.779.762.249	1.232.293.672.649	35.708.240.251	8.667.817.997	1.757.449.493.146
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	58.069.021.759	293.241.667.729	4.779.105.438	4.458.892.581	360.548.687.507
Số dư cuối kỳ	32.479.913.262	266.658.194.548	3.566.767.702	3.817.552.801	306.522.428.313

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.118.390 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 1.057.006 triệu VND).
đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	9.570.664.750	29.049.598.528	38.620.263.278
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.940.458.815	27.482.386.973	31.422.845.788
Khấu hao trong kỳ	78.954.216	597.143.390	676.097.606
Số dư cuối kỳ	4.019.413.031	28.079.530.363	32.098.943.394
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.630.205.935	1.567.211.555	7.197.417.490
Số dư cuối kỳ	5.551.251.719	970.068.165	6.521.319.884

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 25.822 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 25.111 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	25.071.276.356	20.422.985.140
Tăng trong kỳ	3.516.005.455	13.541.509.333
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(21.182.955.964)	(18.795.224.247)
Số dư cuối kỳ	7.404.325.847	15.169.270.226

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Máy móc và thiết bị	7.404.325.847	25.071.276.356

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Chi phí trả trước tiền thuê đất	3.470.081.410	-
Chi phí khác	3.413.864.408	722.740.291
	<hr/>	<hr/>
	6.883.945.818	722.740.291
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	211.029.944.464	86.466.526.123	9.384.616.827	306.881.087.414
Tăng trong kỳ	-	28.543.066.970	347.419.000	28.890.485.970
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	(1.438.613.729)	-	(1.438.613.729)
Phân bổ trong kỳ	(2.850.036.786)	(28.868.516.620)	(9.732.035.827)	(41.450.589.233)
Số dư cuối kỳ	208.179.907.678	84.702.462.744	-	292.882.370.422

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	5.674.971.952	5.897.498.732

20. Công cụ, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn

Công cụ, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh, không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo qui định hiện hành. Nguyên giá của công cụ, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm khi xuất dùng vào sản xuất.

21. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	28.628.136.900	6.926.319.400
Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất và Dịch Vụ Hóa Thịnh	27.764.695.805	21.530.996.850
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina	19.582.392.500	18.931.452.100
Các nhà cung cấp khác	69.271.908.707	43.991.654.949
	145.247.133.912	91.380.423.299

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	1.422.886.791	675.133.838
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina	19.582.392.500	18.931.452.100
Thai Polyethylene Co., Ltd.	9.829.844.585	5.834.949.120

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 14 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

22. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Vân Nhi Minh Liêm	32.134.755.565	779.356.797
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại và Xây Dựng Hoàn Tuấn Thành	20.756.886.677	-
Công ty TNHH Xây Dựng - Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Lan Thanh	16.619.868.177	670.405.826
Các khách hàng khác	49.315.671.859	1.946.838.981
	118.827.182.278	3.396.601.604

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023	Số phát sinh	Số đã nộp	Số cần trừ/ hoàn lại	30/6/2023
	VND	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	361.742.376.303	(50.467.307.850)	(256.301.433.495)	54.973.634.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.039.988.652	143.754.416.952	(66.341.732.523)	-	140.452.673.081
Thuế thu nhập cá nhân	2.201.140.932	20.433.651.681	(15.799.343.276)	(6.732.553.317)	102.896.020
Thuế nhà thầu	-	766.618.150	(766.618.150)	-	-
Thuế khác	-	82.090.511	(82.090.511)	-	-
	65.241.129.584	526.779.153.597	(133.457.092.310)	(263.033.986.812)	195.529.204.059

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2023	Số phát sinh	Số cần trừ	30/6/2023	
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND	
		VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		35.276.661.122	221.024.772.373	(256.301.433.495)	-

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán	12.002.145.445	12.748.651.168
Chi phí bán hàng của hệ thống phân phối	120.398.948.710	81.772.059.177
Chi phí khác	5.659.175.445	6.949.885.911
	<hr/>	<hr/>
	138.060.269.600	101.470.596.256
	<hr/>	<hr/>

25. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Cổ tức phải trả	350.414.300	350.414.300
Nhận ký quỹ, ký cược	1.043.030.450	973.030.450
Kinh phí công đoàn	329.631.460	324.645.800
Phải trả khác	553.457.936	1.169.155.335
	<hr/>	<hr/>
	2.276.534.146	2.817.245.885
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong kỳ	30/6/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND		Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	55.160.000.000	55.160.000.000	Tăng 20.000.000 VND	55.180.000.000	55.180.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay từ:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt - công ty liên kết (i)	VND	-	54.600.000.000	54.600.000.000
Bên thứ ba (ii)	VND	6,27% - 6,82%	580.000.000	560.000.000
			<u>55.180.000.000</u>	<u>55.160.000.000</u>

- (i) Đây là khoản vay tuần hoàn và không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Số dư này bao gồm các khoản tiền đặt cọc nhận được để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của các khách hàng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.000.360.583	21.851.641.376
Trích lập trong kỳ	-	708.269.802
Sử dụng trong kỳ	(382.657.500)	(995.055.588)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	19.617.703.083	21.564.855.590

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	818.609.380.000	1.592.782.700	1.157.256.738.050	44.983.552.000	271.032.327.367	2.293.474.780.117
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	272.690.958.985	272.690.958.985
Chia cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	(110.512.266.300)	(110.512.266.300)
Chi cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.143.768.200)	(2.143.768.200)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	818.609.380.000	1.592.782.700	1.157.256.738.050	44.983.552.000	431.067.251.852	2.453.509.704.602
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	818.609.380.000	1.592.782.700	1.157.256.738.050	44.983.552.000	598.876.151.383	2.621.318.604.133
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	575.353.669.835	575.353.669.835
Chia cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	(433.862.971.400)	(433.862.971.400)
Chi cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(6.636.887.116)	(6.636.887.116)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	818.609.380.000	1.592.782.700	1.157.256.738.050	44.983.552.000	733.729.962.702	2.756.172.415.452

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Chi tiết cổ đông tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Vốn cổ phần VND	% sở hữu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Nawaplastic Industries Co., Ltd.	450.159.110.000	54,99%	445.898.110.000	54,47%
Các cổ đông khác	368.450.270.000	45,01%	372.711.270.000	45,53%
	818.609.380.000	100%	818.609.380.000	100%

Công ty mẹ, Nawaplastic Industries Co., Ltd. và công ty mẹ cấp cao nhất, Siam Cement Public Co., Ltd, được thành lập tại Thái Lan.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chia cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 28 tháng 4 năm 2023 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền là 687.631 triệu VND, tương đương 99% lợi nhuận sau thuế của năm 2022, trong đó khoản tạm ứng đợt 1 cổ tức là 253.769 triệu VND, tương đương 8.400 VND/cổ phiếu đã được trả trong năm 2022 (2021: Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền là 212.838 triệu VND, tương đương 99,3% lợi nhuận sau thuế của năm 2021, trong đó khoản tạm ứng đợt 1 là 102.326 triệu VND, tương đương 1.250 VND/cổ phiếu đã được trả trong năm 2021).

31. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	41.997	963.188.990	32.848	767.359.928
THB	-	-	37.950	25.332.764
		<u>963.188.990</u>		<u>792.692.692</u>

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành	Không thể thu hồi	2023	30.844.128.351	-
			<u>30.844.128.351</u>	<u>-</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	29.060.212.046	20.503.572.713
	<u>29.060.212.046</u>	<u>20.503.572.713</u>

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	2.650.483.563.656	2.783.316.647.248
▪ Bán hàng hóa	146.970.585.962	127.914.575.910
▪ Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.620.000	6.321.000
	<hr/>	<hr/>
	2.797.458.769.618	2.911.237.544.158
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(20.207.137.600)	(6.197.596.000)
▪ Hàng bán bị trả lại	(852.570.224)	(382.652.680)
	<hr/>	<hr/>
	(21.059.707.824)	(6.580.248.680)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	2.776.399.061.794	2.904.657.295.478

33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.507.838.912.651	2.072.570.755.468
▪ Hàng hóa đã bán	141.279.978.368	123.647.353.261
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.542.359.138)
	<hr/>	<hr/>
	1.649.118.891.019	2.194.675.749.591

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thu nhập từ lãi tiền gửi	56.051.895.194	23.008.826.376
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	952.992.560	985.662.050
	57.004.887.754	23.994.488.426

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán	77.100.018.151	77.356.105.560
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	216.867.030	259.439.531
Chi phí lãi vay	19.140.395	12.434.631
	77.336.025.576	77.627.979.722

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí bán hàng của hệ thống phân phối	263.866.712.762	162.076.715.941
Chi phí nhân viên	35.827.366.890	28.029.424.104
Chi phí vận chuyển	8.987.440.300	12.563.376.313
Chi phí vật liệu và bao bì	3.140.965.770	8.362.542.960
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	2.674.029.174	1.511.099.482
Chi phí khấu hao	572.471.482	1.107.754.213
Chi phí hội nghị khách hàng	-	12.613.512.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.895.099.129	11.259.888.857
Chi phí khác	7.611.495.341	17.033.654.888
	333.575.580.848	254.557.969.051

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	33.930.092.682	33.298.161.989
Chi phí vật liệu quản lý	1.787.691.663	1.957.044.307
Chi phí khấu hao	1.183.277.261	1.260.376.224
Thuế, phí và lệ phí	1.854.647.855	2.037.451.223
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập phải thu khó đòi	(4.446.308.636)	282.227.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.322.328.414	10.957.241.678
Chi phí khác	7.222.591.987	12.109.212.505
	54.854.321.226	61.901.715.228

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.254.942.671.957	1.899.588.255.494
Chi phí nhân công và nhân viên	230.297.836.617	205.025.701.344
Chi phí khấu hao	85.419.915.804	82.950.024.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.289.778.400	101.099.425.259
Chi phí khác	267.599.276.424	225.257.152.061

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	143.754.416.952	68.968.205.544
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	222.526.780	(680.263.721)
	143.976.943.732	68.287.941.823

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	719.330.613.567	340.978.900.808
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	143.866.122.714	68.195.780.159
Ảnh hưởng của phần lỗ trong công ty liên kết	110.821.018	92.161.664
	143.976.943.732	68.287.941.823

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

40. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	575.353.669.835	272.690.958.985
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	575.353.669.835	272.690.958.985

(*) Trước năm 2021, tiền thưởng cho người lao động được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2021, tiền thưởng cho người lao động được ghi nhận như một khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ	81.860.938	81.860.938

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.028	3.331

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng		
Bán thành phẩm và hàng hóa	5.400.000.000	-
Chi phí hoa hồng	4.550.096.415	4.935.700.388
Chi phí thuê kho	720.000.000	603.636.364
Chi phí vận chuyển	-	1.316.400.000
Cho vay công ty liên kết	-	20.000.000.000
Thu hồi nợ gốc khoản cho vay	-	5.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	540.000.000	280.000.000

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina		
Mua nguyên vật liệu	321.689.319.000	744.003.430.000
Thai Polyethylene Co., Ltd		
Mua nguyên vật liệu	21.641.872.065	82.444.505.624
Nawaplastic Industries Co., Ltd		
Mua nguyên vật liệu	1.485.550.080	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Bao Bì Alcamax (Việt Nam)		
Mua nguyên vật liệu	197.490.400	-
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn		
Mua nguyên vật liệu	26.835.272.727	32.431.341.819
SCG Learning Excellence Co., Ltd		
Mua dịch vụ	632.718.242	-
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Nhựa Duy Tân		
Mua nguyên vật liệu	13.409.080	-
Thù lao Hội đồng Quản trị		
Ông Sakchai Patiparnpreechavud – Chủ tịch	1.397.239.393	451.319.621
Ông Nguyễn Hoàng Ngân – Thành viên	1.148.217.159	2.431.740.333
Ông Wisit Rechaipichitgool – Phó Chủ tịch trước đây	-	86.059.851
Ông Chaowali Treejak – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.537.750.301	1.363.372.226
Ông Poramate Larnroongroj – Thành viên	838.343.636	270.791.773
Ông Phan Khắc Long – Thành viên	838.343.636	270.791.773
Thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	4.209.882.815	4.586.528.362
Thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	1.637.161.222	777.051.469

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



42. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được lấy từ số dư và số liệu được báo cáo trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và số dư và số liệu được báo cáo trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Mạnh Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phùng Hữu Luận
Kế toán trưởng



Chaowalit Treejak
Tổng Giám đốc

